TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Bình.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Ông Huỳnh Văn N, sinh ngày: 01/01/1965; căn cước: 094065009310;

Địa chỉ: ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1977; định danh cá nhân: 094177007393;

Địa chỉ: ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N và bị đơn bà Nguyễn Thị H có tổ chức tiệc cưới vào năm 1997 và đi đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

(nay Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn thì ông bà sinh sống tại ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian về sau giữa phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống trong hôn nhân, tình tình không phù hợp từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, khi mâu thuẫn không hàng gắn được thì đến năm 2013 bà Nguyễn Thị H đã bỏ nhà ra đi cho đến nay, thời gian đã hơn 12 năm, vì vậy nay ông Huỳnh Văn N nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cần phải ly hôn để hai người được tự do tạo lập cuộc sống mới nên Ông Nyêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị H có 02 (hai) người con chung là Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 01/01/1998 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 19/01/2002. Hiện nay các con chung đều đủ 18 (mười tám) tuổi có công việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N tại Thông báo thụ lý vụ án số: 169/TB-TLVA, ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị H, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà H đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bà H đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H nhưng bà H không gửi văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Huỳnh Văn N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu,

việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Huỳnh Văn N vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt); bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa Ông Nvà bị đơn bà Nguyễn Thị H; có địa chỉ tại ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N và bị đơn bà Nguyễn Thị H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn đúng theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo Ông Ntrình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng tính tình không phù hợp từ đó dẫn đến vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã. Tòa án có mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ triệu tập bà H tham dự nhưng bà H đều vắng mặt.

Trong quá trình chung sống theo ông Huỳnh Văn N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng tính tình không phù hợp, từ đó dẫn đến vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã. Ông N và bà H đã sống ly thân năm 2023 đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn thì Ông Nvà bà H đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông N vẫn cương quyết xin ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy,

thực trạng mâu thuẫn giữa Ông Nvà bà H đã đến mức trầm trọng, hiện nay Ông Nvà bà H không còn sống chung với nhau như vợ chồng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn N.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N tự khai có 02 (hai) người con chung là Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 01/01/1998 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 19/01/2002. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Văn N tự khai có 02 (hai) người con chung là Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 01/01/1998 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 19/01/2002. Hiện nay các con chung đều đủ 18 (mười tám) tuổi có công việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn N tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N được miễn án phí theo thông báo số 36/TB-TA ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hưng, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng